

Bản án số: 27/2020/HC-ST

Ngày: 11 – 9 – 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Dũng và bà Nguyễn Thị Xuân Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 39/2016/TLST-HC ngày 12 tháng 12 năm 2016 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HC ngày 04 tháng 9 năm 2020 của TAND tỉnh Phú Yên, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Vợ chồng ông Tô T – sinh năm 1971, bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Tô Dũng – sinh năm 1963. Có mặt

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; Vắng mặt lần 2, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên:
Ông Ngô Quang P – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên.
Có mặt.

2.2 Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên;

2.3 Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt lần 2, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S: Phạm Văn C – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S; Vắng mặt lần 2, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Tô M, sinh năm 1937; trú tại: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Ông Tô D, sinh năm 1963, Trú tại: Khu phố LHB, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

4. Ông Tô H1, sinh năm 1961; Trú tại: 145/3 Cách mạng tháng tám, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

5. Bà Tô Thị Thu H2, sinh năm 1973; trú tại: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Bà Tô Thị Thu H3, sinh năm 1969; trú tại: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

7. Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1980; Trú tại: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8. Bà Tô Thị Hồng H4, sinh năm 1965; Trú tại: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

9. Bà Tô Thị Thu H5, sinh năm 1976; Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

10. Bà Tô Thị H6, sinh năm 1982; Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

11. Bà Tô Thị Thu M, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

12. Chị Tô Thị Hoài N – sinh năm 1996; Trú tại: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

13. Tô Phương T, sinh năm 2000; Trú tại: Khu phố LHB, Phường X, Thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô H1, bà Tô Thị Thu H2, bà Tô Thị Thu H3, ông Tô Văn Đ, bà Tô Thị Hồng H4, bà Tô Thị H5, chị Tô Thị Hoài N, anh Tô Phương T: Ông Tô D – sinh năm 1963. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô M, bà Tô Thị Thu H6, bà Tô Thị Thu M: Ông Trần Duy T – sinh năm 1967; địa chỉ: Khu vực 7, phường N, Tp. Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1974, vợ chồng ông Tô M (cha của ông Tô T) có mua thửa đất vườn dừa của ông Nguyễn Ngọc Linh và bà Trần Thị Kim với diện tích trong giấy tờ bán là 1.500 m², nhưng diện tích sử dụng thực tế là trên 3.500m², tọa lạc tại xứ Đồng Hồ Gia, thuộc khu phố LHB, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, có giới cận như sau: Đông giáp đất thổ mộ công cộng (nay là sân vận động thị xã S), Tây giáp đường mòn (nay là đại lộ Võ Thị Sáu); Nam giáp đất ông Tô Văn Bá (nay là đất công cộng, sân vận động thị xã S); Bắc giáp đất ông Trương Chứ (khu nhà chế biến thức ăn gia súc). Từ khi mua thửa đất trên, gia đình ông Minh sử dụng xây nhà ổn định không lấn chiếm đất của cá nhân hay nhà nước, có ranh giới, tứ cận cố định không bị tranh chấp, khiếu nại hoặc bị xử phạt về hành vi lấn chiếm đất của cá nhân hoặc Nhà nước.

Đến năm 2003, ông Minh có lập bảng phân chia nhà đất cho các con sở hữu sử dụng, phần nhà đất của ông còn lại là 1.250 m², được Ủy ban nhân dân thị xã S kiểm tra, xác nhận đóng dấu. Theo đó, ông Tô T được chia một phần diện tích 110m² (5m x 22m), Đông giáp phần đất được chia của Tô Thị Thu Hương, Tây giáp đại lộ Võ Thị Sáu, Nam giáp phần đất được chia của Tô Thị Hồng Hoa, Bắc giáp phần đất được chia của Tô Văn Chính.

Ngày 31/8/2011, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 5328/QĐ-CT về việc thu hồi đất của gia đình ông Tô T để thực hiện Công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S (giai đoạn 1).

Không đồng ý, ông Tô T khiếu nại lên Chủ tịch UBND thị xã S. Ngày 06/01/2012, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô T. Nội dung giải quyết bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại. Ông Tô T tiếp tục khiếu nại lần 2. Nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên vẫn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô T.

Do đó, ông Vợ chồng ông Tô T, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5328/QĐ-CT ngày 31/8/2011 của UBND thị xã S “V/v thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện Công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S (giai đoạn 1)” và Quyết định số 5418/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND thị xã S “V/v Đình chính một số nội dung trong Quyết định 5328/QĐ-CT ngày 31/8/2011 của UBND thị xã S V/v thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S (giai đoạn 1)”;

- Hủy Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND thị xã S “V/v Thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S” và Quyết định số 5432/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND thị xã S “V/v Đình chính một số nội dung trong Quyết định 1288/QĐ-CT ngày

11/4/2013 của UBND thị xã S *V/v Thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S*”;

- Hủy một phần Quyết định số 6846/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND thị xã S *“V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S”* đối với hộ ông Tô T;

- Hủy một phần Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND thị xã S *“V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh, bổ sung Công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S”* đối với hộ ông Tô T;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 410/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

- Buộc UBND thị xã S lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất gia đình ông Tô T đang khiếu kiện bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S đúng quy định pháp luật.

Tại bản trình bày ý kiến và các văn bản gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Tô M (cha của ông Tô T): Năm 1974, ông Tô M có nhận chuyển nhượng 1.500 m² đất vườn dừa của ông Nguyễn Ngọc Linh (thể hiện tại Giấy bán đoạn đất vườn dừa lập ngày 19/9/1974 được Ủy ban hành chính xã Xuân Phương chứng thực), có giới cận: Đông giáp đất thổ mộ công cộng; Tây giáp ruộng bà Hồ Thị Thơm; Nam giáp ruộng ông Tô Phú; Bắc giáp đất ông Trương Chứ.

Gia đình ông Tô M sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp từ năm 1974. Trong quá trình sử dụng đất, ông Tô M có làm 01 trại canh, ban đầu chỉ là kết cấu mái tranh, xung quanh dựng lá dừa trên diện tích đất khoảng 30m². Quá trình sử dụng đã nhiều lần nâng cấp, sửa chữa, xây dựng thành nhà ở cấp 4, mái ngói, tường gạch, nền xi măng, diện tích khoảng 100m² mà địa phương không có ý kiến gì.

Năm 1992, kết quả đo đạc thống kê đất đai theo Quyết định 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thể hiện đất của hộ ông Tô M sử dụng thuộc thửa số 30, Tờ bản đồ số 3 với diện tích 2.885m², trên đất có nhà ở. Thửa đất có giới cận: phía Đông và phía Tây giáp đường mòn (nay là đường Võ Thị Sáu); Nam giáp đất thuộc quy hoạch công trình xây dựng sân thể thao huyện Đồng Xuân đã được thu hồi, san ủi mặt bằng trước đây; phía Bắc giáp khu nhà chế biến thức ăn gia súc (sau năm 1980, Nhà nước thu hồi đất của ông Trương Chứ để xây dựng khu nhà chế biến thức ăn gia súc). Kích thước các cạnh của thửa đất: Cạnh phía Đông 68,3m, cạnh phía Tây 59,6m, cạnh phía Nam 48,6m, cạnh phía Bắc 45,4m. Trên đất có nhà ở do gia đình ông Tô M tự xây dựng.

Đến năm 1998, kết quả đo đạc theo hồ sơ địa chính thể hiện thửa đất hộ ông Tô M có tổng diện tích $3.589,4\text{m}^2$ (thửa số 8, tờ bản đồ số 9), tăng $704,4\text{m}^2$ so với diện tích thể hiện trong hồ sơ địa chính năm 1992. Giới cận thửa đất như sau: phía Đông giáp đất quy hoạch công trình sân thể thao cơ bản huyện Đồng Xuân đã được thu hồi, san ủi mặt bằng trước đây (thời điểm này đường mòn phía Đông đất ông Minh không còn thể hiện trên bản đồ địa chính II); Tây giáp đường mòn (nay là đường Võ Thị Sáu); Nam giáp đất thuộc quy hoạch công trình xây dựng sân thể thao huyện Đồng Xuân đã được thu hồi, san ủi mặt bằng trước đây; phía Bắc giáp khu nhà chế biến thức ăn gia súc. Kích thước các cạnh của thửa đất như sau: Cạnh phía Đông Bắc $15,19\text{m}$, cạnh phía Đông $52,49\text{m}$; cạnh phía Đông Nam $5,46\text{m}$; cạnh phía Tây $62,68\text{m}$, cạnh phía Nam $50,47\text{m}$, cạnh phía Bắc $46,95\text{m}$ (các kích thước này được đo từ bản đồ địa chính II).

Đối chiếu với Bản đồ 299/TTg, con đường mòn tiếp giáp phía Đông thửa đất của ông Tô M và các con không còn thể hiện trên bản đồ địa chính II, đồng thời hình thể thửa đất đã thay đổi. Cụ thể: Trong Bản đồ 299/TTg thửa đất có hình tứ giác (không bao gồm đường đi và một phần diện tích đất phía Nam của thửa đất hiện nay). Đến Bản đồ địa chính II thì thửa đất có hình lục giác, đường đi phía Đông không còn, cạnh phía Đông của thửa đất từ đường thẳng đã chuyển thành đường gấp khúc 03 đoạn tương ứng gồm cạnh phía Đông Bắc $15,19\text{m}$, cạnh phía Đông $52,49\text{m}$, cạnh phía Đông Nam $5,46\text{m}$. Đồng thời, qua áp dụng kỹ thuật chuyên ngành số hóa bản đồ do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện gồm có các bước như: Scan (quét ảnh) Bản đồ 299/TTg và Bản đồ địa chính, nắn ảnh vào khung bản đồ, dùng phần mềm microstation vẽ lại đường nét theo ảnh, tiến hành chồng xếp các thửa đất của 02 loại bản đồ trên nhận thấy hình dạng thửa đất có sự khác biệt, cụ thể: hình dạng kích thước hình học cạnh thửa đất (phía Bắc và phía Tây) trùng khớp, riêng hình dạng và kích thước cạnh phía Đông bị lệch về phía Đông (tương ứng với đường đi đã mất) và cạnh phía Nam cũng bị lệch về hướng Nam.

Năm 2002, thực hiện công trình xây dựng đường Hoàng Hoa Thám, UBND huyện S đã ra quyết định thu hồi $413,44\text{m}^2$ đất (cây lâu năm) dọc theo cạnh phía Tây của thửa đất hộ ông Tô M để xây rãnh thoát nước dọc đường Võ Thị Sáu hiện nay. Gia đình ông Tô M đã chấp nhận việc giải tỏa và nhận tiền đền bù.

Năm 2008, UBND huyện S tiếp tục thực hiện Dự án làm đường Võ Thị Sáu, thửa đất ông Tô M và các con có diện tích $427,3\text{m}^2$ thuộc phạm vi ảnh hưởng. Trong diện tích $427,3\text{m}^2$ này, UBND huyện đã có quyết định thu hồi $268,8\text{m}^2$ đất (loại đất trồng cây lâu năm), phần diện tích $158,5\text{m}^2$ còn lại trong mái taluy đường Võ Thị Sáu theo chủ trương của UBND huyện S chỉ mượn đất để thi công mà không thu hồi tại thời điểm đó.

Như vậy, tổng diện tích của ông Tô M bị Nhà nước thu hồi để thực hiện công trình rãnh thoát nước và công trình đường Võ Thị Sáu là $682,24\text{m}^2$ ($413,44\text{m}^2 + 268,8\text{m}^2$). Đối chiếu với kết quả đo đạc trong hồ sơ địa chính năm 1992, sau khi trừ diện tích đất bị nhà nước thu hồi thì diện tích đất được phép sử dụng của hộ ông Tô M còn lại đến năm 2008 là $2.202,76\text{m}^2$ ($2.885\text{m}^2 - 682,24\text{m}^2$).

Đến năm 2010, theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên thì toàn bộ diện tích đất thực tế do ông Tô M và các con đang sử dụng là $3.016,5\text{m}^2$, tăng $813,74\text{m}^2$ ($3016,5 - 2.202,76\text{m}^2$) so với diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Tô M theo hồ sơ địa chính năm 1992, sau khi đã trừ đi phần diện tích đất thu hồi năm 2002 và năm 2008 để thực hiện 02 Dự án nêu trên.

Giới cận thửa đất như sau: Đông giáp đất quy hoạch công trình sân thể thao cơ bản huyện S; Tây giáp đường Võ Thị Sáu; Nam giáp đất quy hoạch công trình sân thể thao cơ bản huyện S; Bắc giáp khu nhà chế biến thức ăn gia súc.

Qua kiểm tra, trực tiếp làm việc, ông Tô M và các con đều không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh tính hợp pháp cho phần diện tích đất tăng thêm $813,74\text{m}^2$ nêu trên của hộ ông Tô M và các con.

Từ những cơ sở nêu trên, Việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là có căn cứ pháp luật. Do đó, ông Tô T khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô T là không có căn cứ.

Người bị kiện UBND thị xã S, chủ tịch UBND thị xã S trình bày:

Tại thời điểm giải quyết khiếu nại thì UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S thống nhất theo quan điểm giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường X trình bày: Thống nhất theo quan điểm giải quyết của UBND thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Tô M, ông Tô Dũng, ông Tô Hùng, bà Tô Thị Thu Hà, ông Tô Thị Thu Hương, ông Tô Văn Đức, bà Tô Thị Hồng Hoa, bà Tô Thị Thu Hải, bà Tô Thị Hạnh, bà Tô Thị Thu Mai, chị Tô Thị Hoài Ngân, anh Tô Phương Thịnh trình bày: Thống nhất với trình bày của người khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của gia đình chúng tôi.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S trình bày: Vẫn giữ nguyên quan điểm tại các quyết định hành chính của UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên: Vẫn giữ nguyên quan điểm tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật; Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, điều 193 Luật tổ tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S và UBND phường X vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 158 luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Ngày 02/01/2014 Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý vụ án hành chính giữa người khởi kiện ông Tô T và người bị kiện UBND thị xã S, theo đó ông Tô T khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của UBND thị xã S và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Tô T lần đầu và Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô T lần 2 (có nội dung giữ nguyên quyết định hành chính lần đầu). Tại thời điểm TAND thị xã S thụ lý, giải quyết thì Quyết định 413/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Điều 28 Luật tố tụng hành chính 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngày 15/10/2015 Hội đồng thẩm phán TAND tối cao ban hành Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, xác định quyết định giải quyết khiếu nại lần hai (có nội dung giữ nguyên quyết định hành chính ban đầu) là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, TAND thị xã S quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho TAND tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] *Quá trình thu hồi, bồi thường đất của ông Tô T để thực hiện dự án*: Diện tích đất ông Tô T đang khiếu kiện có nguồn gốc của ông Tô M tặng cho theo bảng phân chia nhà đất năm 2003 (toàn bộ diện tích đất này ông Tô M chưa

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Tô M, HĐXX nhận thấy:

[3.1] Ngày 19/9/1974 ông Nguyễn Ngọc Linh cùng các con lập “Giấy bán đoạn đất vườn dừa” cho ông Tô M diện tích là 1.500m^2 (có xác định tứ cận) và được UBND hành chính xã Xuân Phương chứng thực ngày 19/9/1974. Tại bản đồ đo đạc năm 1999 (theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ) thể hiện diện tích đất của hộ ông Tô M là 2.885m^2 thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3, loại đất (T); trên đất có nhà ở của gia đình ông Minh xây dựng từ năm 1990.

[3.2] Theo bản đồ địa chính II đo đạc năm 1998 thì hộ ông Tô M có tổng diện tích $3.589,4\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 8 tờ bản đồ số 9 và một phần thuộc tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính II. Theo bản đồ 299 thì phía Đông thửa đất của gia đình ông Tô M thể hiện con đường mòn, phía sau đường mòn là các thửa đất 31, 32, 33; còn bản đồ địa chính II năm 1998 xác định rõ giới cận ranh giới các thửa liền kề không còn có đường mòn, nhưng UBND thị xã S xác định là con đường mòn và các thửa đất phía sau đã bị san ủi, giải phóng mặt bằng.

[3.3] Ngày 29/01/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Phú Yên) có Quyết định số 98/UB cấp đất xây dựng công trình sân thể thao cơ bản huyện Đồng Xuân (nay là thị xã S) có tổng diện tích là 20.000m^2 . Tuy nhiên, tại thời điểm đo đạc bản đồ địa chính II năm 1998 được thể hiện là thửa đất số 12 có diện tích $31.753,8\text{m}^2$ (tăng $11.753,8\text{m}^2$) so với Quyết định cấp đất số 98/UB và phần tăng thêm nằm ở phía Đông và phía Nam thửa đất của hộ gia đình ông Tô M. Mặc khác, thời điểm năm 1993, khi UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt đồ án, các cơ quan chức năng không thực hiện việc cắm mốc xác định ranh giới diện tích quy hoạch đã quản lý nên không có cơ sở xác định gia đình ông Minh lấn chiếm đất; tuy nhiên, mặc dù phần diện tích đất gia đình ông Tô M sử dụng chưa có tên trong sổ địa chính, Sổ đăng ký ruộng đất nhưng gia đình ông Tô M đã được Nhà nước đo đạc lập Bản đồ địa chính II và có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền về hiện trạng quản lý, sử dụng. Tại biên bản làm việc ngày 10/10/2002, UBND phường X xác định: Diện tích đất của gia đình ông Tô M được đo đạc Bản đồ địa chính II chưa vào Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính từ khi đo đạc đến năm 2006... Từ năm 2006, ông Tô M đã kê khai và được UBND thị trấn S (nay là phường X) lập danh sách các hộ kê khai và được UBND thị trấn S ký xác nhận ngày 20/11/2006.

[3.4] Năm 2002 và năm 2008, UBND huyện S thu hồi $682,24\text{m}^2$ đất của gia đình ông Tô M để thực hiện dự án xây rãnh thoát nước đường Võ Thị Sáu và làm đường Võ Thị Sáu. Để thực hiện dự án xây dựng công trình sân thể thao cơ bản huyện S (giai đoạn 1), năm 2010 Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên đã tiến hành đo đạc toàn bộ diện tích đất ông Tô M và các con của ông Tô M đang thực tế quản lý, sử dụng. Kết quả đo đạc cho thấy tổng diện tích đất gia đình ông Tô M đang quản lý, sử dụng là $3.016,5\text{m}^2$, tăng $813,74\text{m}^2$ ($3.016,5\text{m}^2 - 2.202,76\text{m}^2$) so với diện tích đất theo bản đồ 299 sau khi đã trừ đi diện tích đất Nhà nước thu hồi năm 2002 và 2008, xác định rõ tứ cận ranh giới các thửa đất liền kề (không thể hiện có sự lấn chiếm). Trong quá trình gia đình ông Tô M quản lý, sử dụng đất từ khi nhận chuyển nhượng (năm 1974)

đến nay thì diện tích có biến động tăng qua các thời kỳ: Khi ông Tô M nhận chuyển nhượng đất, trên giấy tờ ghi diện tích là 1.500m² nhưng không đo đạc thực tế; theo bản đồ 299 đo đạc năm 1992 là 2.885m²; theo bản đồ địa chính II đo đạc năm 1998 thì diện tích đất của gia đình ông Tô M đang quản lý, sử dụng là 3.589,4m². UBND thị xã S và UBND tỉnh Phú Yên chỉ công nhận cho hộ gia đình ông Tô M diện tích 2.885m² theo bản đồ 299 (lý do sử dụng trước ngày 15/10/1993), không công nhận diện tích 3.589,4m² theo bản đồ đo đạc năm 1998 vì cho rằng diện tích tăng thêm theo bản đồ đo đạc 1998 là do lấn chiếm.

[3.5] Căn cứ khoản 13 và khoản 17 Điều 4 Luật đất đai năm 2003 (nay là khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Luật đất đai năm 2013); khoản 4 Điều 40 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; tiêu mục 2.2, mục 2, phần I thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính; Điều 11, 12, 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ địa chính, thì bản đồ địa chính II năm 1998 được lập theo đúng quy định, phù hợp với hiện trạng quản lý sử dụng đất.

[3.6] Năm 2003, ông Minh có lập bảng phân chia nhà đất cho các con sở hữu sử dụng, được Ủy ban nhân dân thị xã S kiểm tra, xác nhận. Theo đó, ông Tô T được chia diện tích 110m² (05mx22m). Nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên cho rằng ông Tô M và các con lấn chiếm đất ở phía Đông và Phía Nam, nhưng không chứng minh được thời điểm gia đình ông Tô M lấn chiếm đất, diện tích lấn chiếm; các cơ quan có thẩm quyền của địa phương không phát hiện và xử lý việc ông Tô M cũng như các con lấn chiếm đất theo quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên căn cứ vào Bản đồ đo đạc năm 1992 theo Chỉ thị 299 và Bản đồ địa chính II đo đạc năm 1998 để cho rằng diện tích đất của gia đình ông Minh tăng là do ông Tô M lấn chiếm đất của Sân vận động; tuy nhiên, phần diện tích đất của Sân vận động cũng tăng so với Quyết định số 98/UB ngày 19/01/1985, nên không có căn cứ xác định diện tích ông Tô M và các con là đất do UBND phường X quản lý.

[3.7] Về Biên bản phân chia đất cho các con HĐXX nhận thấy: Mặc dù biên bản đã được UBND thị trấn S (nay là UBND phường X) ký xác nhận nhưng như nhận định ở trên thì toàn bộ diện tích đất ông Tô M nhận chuyển nhượng từ năm 1974 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc tặng cho này chưa phù hợp quy định của Luật đất đai 1993 và điểm a khoản 1 Điều 105 Luật đất đai 2003 “1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 110; khoản 2 và khoản 3 Điều 112; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 113; khoản 2 Điều 115; điểm b khoản 1, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 119; điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 120 của Luật này khi có các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;...), đồng

thời sau khi được phân chia thì ông Tô M và các con (trong đó có ông Tô T) chưa tiến hành các thủ tục đăng ký sang tên, tách thửa theo quy định pháp luật.

[3.8] Do xác định diện tích đất của gia đình ông Tô M và các con của ông Tô M không đúng nên UBND thị xã S ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Tô T không đúng dẫn đến các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Tô T và các Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô T cũng không đúng.

[4] Mặc khác: Xét thấy, người khởi kiện ông Tô T là con của ông Tô M, đồng thời diện tích đất ông Tô T đang khiếu kiện có nguồn gốc là của ông Tô M để lại. Vụ án hành chính do ông Tô M khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô M (Theo bản án số 05/2016/HCST ngày 23/6/2016 của TAND tỉnh Phú Yên và Bản án số 35/2017/HCPT ngày 07/3/2017 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng). Bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành và Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên đã tiến hành lập lại phương án bồi thường hỗ trợ cho ông Tô M theo quy định.

[4.1] Ngày 31/3/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên có văn bản số 1578/UBND-NC đề nghị Chánh án TAND tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với 02 bản án nêu trên. Tuy nhiên, ngày 06/3/2020, TAND tối cao ban hành thông báo số 96/TB-TANDTC-VGĐKTIII về việc giải quyết đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Theo đó, TAND tối cao trả lời không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 35/2017/HCPT ngày 07/3/2017 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

[5] Với kết quả giải quyết vụ án nói trên TAND tỉnh Phú Yên đã tích cực tiến hành đối thoại nhưng các đương sự vẫn không thống nhất về hướng giải quyết đối với những vụ án có liên quan. TAND tỉnh Phú Yên đưa vụ án ra xét xử đúng quy định pháp luật.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX nhận thấy việc vợ chồng ông Tô T, bà Nguyễn Thị H khởi kiện là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: Hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện và Buộc UBND thị xã S lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất gia đình ông Tô T, bà Nguyễn Thị H đang khiếu kiện bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S theo đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Vợ chồng ông Tô T, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 30; Điều 32;

điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 13 và khoản 17 Điều 4 Luật đất đai năm 2003 (nay là khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Luật đất đai năm 2013); khoản 4 Điều 40 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; tiểu mục 2.2, mục 2, phần I Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính; Điều 11, 12, 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Khoản 2, Điều 32, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tô T, bà Nguyễn Thị H:

- Hủy Quyết định số 5328/QĐ-CT ngày 31/8/2011 của UBND thị xã S “V/v thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện Công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S (giai đoạn 1)” và Quyết định số 5418/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND thị xã S “V/v Đình chính một số nội dung trong Quyết định 5328/QĐ-CT ngày 31/8/2011 của UBND thị xã S V/v thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S (giai đoạn 1)”;

- Hủy Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND thị xã S “V/v Thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S” và Quyết định số 5432/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND thị xã S “V/v Đình chính một số nội dung trong Quyết định 1288/QĐ-CT ngày 11/4/2013 của UBND thị xã S V/v Thu hồi đất đối với hộ ông Tô T để thực hiện công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S”;

- Hủy một phần Quyết định số 6846/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND thị xã S “V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S” đối với hộ ông Tô T;

- Hủy một phần Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND thị xã S “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh, bổ sung Công trình: Sân thể thao cơ bản thị xã S” đối với hộ ông Tô T;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 410/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

- Buộc UBND thị xã S lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất gia đình ông Tô T đang khiếu kiện bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án công trình Sân thể thao cơ bản thị xã S đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S phải liên đới chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Tô T, bà Nguyễn Thị H 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, đã nộp biên lai số AA/2010/11328 ngày 02/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Phú Yên

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Chi cục THADS thị xã S (1);
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, VT, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bảo

Trần Duy Ngọc

Lê Ngọc Minh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, VT, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bảo

Trần Duy Ngọc

Lê Ngọc Minh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng GĐKT TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, VT, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh